

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 3 năm 2026

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thu Hằng.

2. Bà Vũ Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXX-ST ngày 02 tháng 02 năm 2026 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị P**, sinh năm 1991; địa chỉ: **Tổ dân phố L, xã T, tỉnh Phú Thọ**; số căn cước công dân: 0241910000231; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1991; địa chỉ: **Tổ dân phố L, xã T, tỉnh Phú Thọ**; số căn cước công dân: 026091001910; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị **Dương Thị Phương trình B:***

Về hôn nhân: Chị **P** và anh **Nguyễn Văn C** đăng ký kết hôn ngày 10/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã **N, huyện H, tỉnh Bắc Giang**. Hôn nhân giữa chị **P** và anh **C** là tự nguyện, không bị lừa dối hay cưỡng ép kết hôn.

Sau khi đăng ký kết hôn chị **P** về chung sống cùng bố mẹ chồng là ông **Nguyễn Văn S** và bà **Kiều Thị Đ** tại **tổ dân phố L, xã T, tỉnh Phú Thọ**. Cuộc sống chung sau khi kết hôn đã có những mâu thuẫn do anh **C** không tu chí làm kinh tế, chơi cờ bạc và sử dụng ma túy dẫn đến nợ nần nhiều. Từ thời điểm chị **P** mang bầu cháu thứ hai, chị đã không chung sống cùng với anh **C** mà đi buôn bán ở xa nhà để đảm bảo kinh tế cho gia đình, trả nợ thay cho anh **C**. Ngoài ra, trong khoảng thời gian chung sống cùng nhau, từ năm 2014-2016 anh **C** nhiều lần

đánh chị P, có lần bị đánh chị P phải đi viện để cấp cứu. Đến khoảng giữa năm 2016, gia đình và địa phương phối hợp cho anh C đi cai nghiện tự nguyện một thời gian. Từ năm 2017 đến nay anh C không còn vướng mắc vào các tệ nạn xã hội nhưng lại chỉ ở nhà không chịu làm kinh tế để chia sẻ cùng chị P. Do quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn và thời gian mâu thuẫn kéo dài, chị P cũng đã cho anh C nhiều cơ hội để thay đổi, đến nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh C có 03 người con chung là cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 04/01/2015; cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 10/4/2016 và cháu Nguyễn Tâm T1, sinh ngày 18/9/2017. Khi ly hôn nguyện vọng của chị được nuôi dưỡng cháu N, còn giao cháu T và cháu T1 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án:

Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và gửi giấy triệu tập bị đơn là anh Nguyễn Văn C đến Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ để trình bày ý kiến về việc chị P yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với anh C nhưng anh C đều không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai của anh C. Tòa án lấy lời khai của chị P về việc lý do anh C không đến Tòa án làm việc thì chị P trình bày: Hiện anh C vẫn có nơi cư trú duy nhất tại tổ dân phố L, xã T, tỉnh Phú Thọ và đang là người trực tiếp chăm sóc 03 người con chung của anh chị. Do mâu thuẫn nên chị và anh C đã không còn giữ liên lạc với nhau, khi chị cần trao đổi thông tin với anh C liên quan đến việc nuôi con và việc chung của gia đình thì chị P đều liên lạc qua số điện thoại của bà D.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Kiều Thị Đ là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn C, hiện đang cư trú cùng nhà với anh C thể hiện: Sau khi kết hôn, chị P và anh C sống cùng với ông, bà tại tổ dân phố L và có 03 người con chung là cháu Nguyễn Trọng N, Nguyễn Trọng T và cháu Nguyễn Tâm T1. Đến năm 2015 chị P và anh C đi làm kinh tế xa nhà được một thời gian, sau đó anh chị xảy ra mâu thuẫn nên anh C về chung sống cùng bà cho đến nay. Hiện anh C đang đi lái xe thuê cho chị gái, sáng đi sớm và tối đêm mới về đến nhà. Các văn bản của Tòa án gửi cho anh C do bà nhận thay, bà đều đã thông báo đến cho anh C biết. Tại biên bản xác minh của Tòa án với Công an xã T thì thể hiện anh C có hộ khẩu thường trú tại xã T, tỉnh Phú Thọ và hiện sinh sống cùng hộ với bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn S và bà Kiều Thị Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, còn bị đơn chưa chấp hành theo các thông báo, triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị P ly hôn với anh C. Về con chung: Giao cho chị P nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 04/01/2015; giao cho anh C nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng T, sinh ngày 10/4/2016 và cháu Nguyễn Tâm T1, sinh ngày 18/9/2017. Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1. Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Dương Thị P khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình với bị đơn anh Nguyễn Văn C có địa chỉ tại tổ dân phố L, xã T, tỉnh Phú Thọ nên theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung; anh C không đến Tòa án làm việc, không có văn bản gửi đến Tòa án nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

1. Về hôn nhân: Chị P và anh C đăng ký kết hôn ngày 10/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bắc Giang và chị P xuất trình đăng ký kết hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định việc anh chị có đăng ký kết hôn theo luật định nên là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị P và anh C về chung sống cùng ông Nguyễn Văn S và bà Kiều Thị Đ tại tổ dân phố L. Theo chị P trình bày, cuộc sống chung sau khi kết hôn đã có những mâu thuẫn do anh C không tu chí làm kinh tế, chơi cờ bạc và sử dụng ma túy dẫn đến nợ nần nhiều. Sau đó, chị P cho anh C nhiều cơ hội để thay đổi, vợ chồng quay về đoàn tụ và chị phải đi làm kinh tế, buôn bán ở xa nhà để có tiền trả nợ, nuôi con. Do vợ chồng sống xa nhau, không chia sẻ được về kinh tế, tình cảm dẫn đến nhiều mâu thuẫn và thời gian mâu thuẫn kéo dài, chị P xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Nguyễn Văn C về việc chị P yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với anh C nhưng anh C đều không đến Tòa án để làm việc nên không có lời khai. Tòa án cũng tiến hành xác minh tại nơi cư trú của anh C nhưng trưởng thôn và Ủy ban nhân dân xã không biết tình trạng hôn nhân của chị P và anh C. Còn bà Kiều Thị Đ là mẹ đẻ của anh C thì trình bày tình trạng hôn nhân của chị P và anh C có mâu thuẫn do vợ chồng sống xa nhau đã lâu, bà Đ cam đoan đã

gửi các văn bản của Tòa án cho anh **C** về việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án cho anh **C** biết.

Xét thấy, việc chị **P** xác định không còn tình cảm yêu thương anh **C**, hiện tại chị **P** và anh **C** cũng không còn chung sống cùng nhau, không muốn gắn kết cùng nhau nên anh chị không muốn gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn chung nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **P** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về con chung:

Chị **Phương trình B**: Chị và anh **C** có 03 người con chung là cháu **Nguyễn Trọng N**, sinh ngày 04/01/2015; cháu **Nguyễn Trọng T**, sinh ngày 10/4/2016 và cháu **Nguyễn Tâm T1**, sinh ngày 18/9/2017. Lời khai của chị **P** phù hợp với lời khai của bà **Kiều Thị Đ**, biên bản xác minh và các tài liệu chứng cứ khác. Hiện tại anh **C** đang trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu. Khi ly hôn nguyện vọng của chị **P** được nuôi dưỡng cháu **N**, còn giao cháu **T** và cháu **T1** cho anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị **P** là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng và điều kiện sinh hoạt của các cháu nên cần chấp nhận.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **P** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị **P** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Dương Thị P**.

1. Về hôn nhân: Cho chị **Dương Thị Phương ly H** anh **Nguyễn Văn C**.

2. Về con chung:

Giao cho chị **Dương Thị P** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Nguyễn Trọng N**, sinh ngày 04/01/2015 cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi.

Giao cho anh **Nguyễn Văn C** tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu **Nguyễn Trọng T**, sinh ngày 10/4/2016 và cháu **Nguyễn Tâm T1**, sinh ngày 18/9/2017 cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị **P** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị **P** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002689 ngày 03/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ (do ông **Vũ Viết T2** nộp thay).

4. Về quyền kháng cáo: Chị **P** và anh **C** vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ
- Phòng Thi hành án DS Khu vực 9 - Phú Thọ;
- Ủy ban nhân dân xã Tam Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoài

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Hoài

Nơi nhận:

- VKSND nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ
- Thi hành án DS tỉnh Phú Thọ;
- Ủy ban nhân dân xã Tam Dương Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoài

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Hoài

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục Thi hành án DS TP Vĩnh Yên;
- Ủy ban nhân dân phường Đồng Tâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hoài

